

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HS-ST

Ngày: 06 - 03 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sĩ Trinh và Ông Thạch Nhị

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Lưu - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; nơi cư trú khu phố X, phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền S: Không; bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

Người bị hại:

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, Huyện Th, tỉnh Thái Bình (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Văn S:

Bà Vũ Thị V, sinh năm 1956; nơi cư trú thôn H, xã T, Huyện Th, tỉnh Thái Bình (vợ ông Nguyễn Văn S) “vắng mặt”.

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; nơi cư trú xã Thái Thuần, Huyện Th, tỉnh Thái Bình (con gái ông Nguyễn Văn S) “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú xã T, Huyện Th, tỉnh Thái Bình (con trai ông Nguyễn Văn S) “vắng mặt”.

Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1998; nơi cư trú xã T, Huyện Th, tỉnh Thái Bình (con gái ông Nguyễn Văn S) “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, Huyện Th, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay đường số 10, khu Công nghiệp Sóng Thần, thị xã D, tỉnh Bình Dương (con trai ông Nguyễn Văn S) “có mặt”.

Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Văn S tham gia phiên tòa: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, Huyện Th, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay đường số 10, khu Công nghiệp Sóng Thần, thị xã D, tỉnh Bình Dương “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; nơi cư trú khu phố X, phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1998; nơi cư trú ấp Cầu Rạt, xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Anh Lê Văn Th, sinh năm 1978; nơi cư trú ấp 03, xã H, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 26 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Đức H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93P2 – 058.11 (H có giấy phép lái xe theo quy định) chở anh Nguyễn Đức V. Khi này Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93P2 – 026.30 đi trước xe Đức H lưu thông trên đường ĐT741 (theo hướng Huyện Pđi thành phố Đ). Khi đến đoạn đường thuộc ấp 3, xã H, thành phố Đ thì xe của Văn H quẹt nhẹ vào ông Nguyễn Văn S đi bộ từ lề trái sang lề phải (theo hướng lưu thông từ Huyện P đi thành phố Đ) ông S vẫn tiếp tục đi bộ còn xe của Văn H ngã xuống đường, lúc này xe mô tô của Đức H chạy đến đụng vào ông S làm ông S ngã xuống đường gây tai nạn, ông S được đưa cấp cứu đến ngày 27 tháng 7 năm 2018 ông S tử vong.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông vào lúc 23 giờ 25 phút ngày 26/7/2018 xác định như sau:

Đường ĐT741 nơi xảy ra tai nạn là đường 02 chiều có dải phân cách cố định ở giữa phân chia đường thành 02 chiều đường xe chạy mỗi chiều đường rộng 09m được phân chia thành 02 làn đường cho xe chạy. Làn đường thứ nhất sát dải phân cách rộng 04m dành cho các loại ô tô lưu thông, làn đường thứ 02 rộng 05m dành cho xe ô tô xe mô tô 02 bánh và xe thô sơ. Làn đường thứ nhất và làn đường thứ hai được phân biệt bằng vạch sơn màu trắng đứt nét, đoạn mở giữa hai dải phân cách rộng 22,5m có vạch sơn màu trắng dành cho người đi bộ qua đường mặt đường bê tông nhựa bằng phẳng, tầm nhìn không hạn chế.

Số (1) đánh số cho vết cày xe mô tô 93P2-058.11.

Số (2) đánh số cho vết cày xe mô tô 93P2-026.30.

Số (3) đánh số cho xe mô tô 93P2-026.30.

Số (4) đánh số cho xe mô tô 93P2-058.11.

Số (5) đánh số cho dấu vết máu (0,7 x 0,6)m.

Chọn mép lề phải hướng P– Ngã tư Đ làm lề chuẩn cho toàn bộ hiện trường.

Số (1) vết cày 93P2-058.11 nằm trên mặt đường. Vết cày 93P2-058.11 dài 14,5m đầu vết cày 93P2-058.11 hướng Pcuối vết cày 93P2-058.11 (1) hướng ngã tư Đ, vết cày (1) dạng đứt nét cày trên mặt đường.

Số (2) vết cày 93P2-026.30 (2) nằm trên mặt đường vết cày 93P2-026.30 (2) dài 10,5 m đầu vết cày hướng phía cuối vết cày hướng ngã tư Đ. Vết cày (2) dạng đứt nét cày trên mặt đường.

Số (3) xe mô tô 93P2-026.30 (3) nằm ngã nghiêng bên phải đầu xe mô tô hướng lề phải (hướng P– Đ).

Số (4) xe mô tô 93P2-058.11 (4) nằm ngã nghiêng bên trái đầu xe hướng lề phải (hướng P– Đ).

Số (5) vết máu KT (0,7 x 0,6) m nằm trên mặt đường.

Từ đầu vết cày 93P2-058.11 (1) đo đến lề chuẩn là 4,0m. Từ đầu vết cày 93P2-058.11 (1) đo đến đầu đoạn mở dải phân cách là 6,0m. Từ đầu vết cày 93P2-058.11 (1) đo đến đầu vết cày 93P2-026.30 (2) là 5,0m. Từ đầu vết cày 93P2-026.30 (2) đo đến lề chuẩn là 6,0m. Từ đầu vết cày 93P2-026.30 (2) đo đến trục bánh sau xe là 9,8m. Từ tâm trục bánh xe (3) trước đo đến lề chuẩn là 7,6m. Từ tâm trục bánh xe mô tô 93P2-026.30 (3) sau là 8,5m, từ tâm trục bánh xe trước xe mô tô 93P2-026.30 đo đến tâm trục bánh sau xe mô tô 93P2-058.11(4) là 4,6m. Từ tâm trục bánh sau xe mô tô 93P2-058.11(4) đo đến lề chuẩn là 3,0m. Từ tâm trục bánh xe trước xe mô tô 93P2-058.11(4) đo đến lề chuẩn là 1,9m. Từ tâm trục bánh xe trước xe mô tô 93P2-058.11(4) đo đến vết máu (5) là 2,0m. Từ tâm vết máu (5) đo đến lề chuẩn là 1,4m. Từ tâm trục bánh xe sau xe mô tô 93P2-026.30 (3) đo đến trụ điện số 100 là 30,4m. từ trụ điện đo đến lề chuẩn là 4,1m.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 27/7/2018 đối với xe mô tô biển số: 93P2- 058.11 như sau:

Ốp bảo vệ đèn chiếu sáng bị mài mòn KT(0,05 x 0,05)m.

Gương chiếu hậu không còn ở vị trí cố định.

Yếm chắn gió bên trái bị bung khỏi vị trí cố định KT(0,4 x 0,05)m.

Ốp bảo vệ mặt nạ bên trái bị mài mòn KT(0,15 x 0,05)m.

Dè chắn bùn phía trước bị xây xước KT(0,05 x 0,05)m.

Bộ phận bánh xe phía trước (vành kim loại) bị cong vênh KT(0,05 x 0,01)m.

Yếm chắn gió phía trước bị bể KT(0,05 x 0,02)m.

Gác để chân phía trước bên trái bị cong vênh chiều hướng từ trước ra sau.

Ốp sườn xe bên trái bị mài mòn KT(0,07 x 0,02)m.

Gương chiếu hậu bên phải không còn ở vị trí cố định.

Yếm chắn gió phía trước bên phải bị bung khỏi vị trí cố định KT(0,5 x 0,3)m.

Ốp bảo vệ bộ phận giảm thanh bị mài mòn KT(0,3 x 0,1)m.

Hệ thống an toàn kỹ thuật hoạt động bình thường.(bút lục: 18,19).

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 27/7/2018 đối với xe mô tô biển số: 93P2- 026.30 như sau:

Ốp bảo vệ đèn chiếu sáng bị mài mòn KT(0,3 x 0,15)m.

Gương chiếu hậu bên trái bị bể hoàn toàn KT(0,15 x 0,1)m.

Ốp bảo vệ đèn chiếu sáng đèn tín hiệu phía trước bị trầy xước KT(0,3 x 0,15)m.

Đầu tay cầm phía trước bên phải bị mài mòn KT(0,03 x 0,03)m. Đầu dè chắn bùn phía trước bị mài mòn KT(0,05 x 0,05)m.

Yếm chắn gió bên phải bị mài mòn KT(0,4 x 0,03)m.

Đầu gác chân trước bên phải bị mài mòn KT(0,02 x 0,02)m.

Ốp bảo vệ bộ phận giảm thanh bị mài mòn KT(0,4 x 0,05)m.

Hệ thống lái, phanh, ga, số, đồng hồ, đèn còi hoạt động còn tác dụng. Hệ thống gương chiếu hậu bị mất tác dụng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 231/2018/GĐPY ngày 30/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận nạn nhân Nguyễn Văn S như sau: Ông Nguyễn Văn S tử vong do chấn thương ngực bụng kín, sốc chấn thương, suy hô hấp cấp.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 93P2- 058.11; 01 xe mô tô biển kiểm soát 93P2- 026.30; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 042887; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 038579; 01 giấy phép lái xe hạng A1 của Nguyễn Văn H và 01 giấy phép lái xe hạng A1 của Nguyễn Đức H. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 02 xe mô tô và số giấy tờ cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân S: Bà Nguyễn Thị X là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Đức H đã bồi thường cho phía gia đình người bị hại số tiền 80.000.000 đồng, gia đình người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và đã làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-ĐX ngày 14/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H mức án từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do anh Nguyễn Văn C là người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Văn S không có yêu cầu gì ngoài số tiền 80.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị X là mẹ ruột bị cáo Nguyễn Đức H đã bồi thường thay cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 700143003279 mang tên Nguyễn Đức H.

Bị cáo H tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-ĐX ngày 14/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, kết luận giám định pháp y về tử thi, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, các dấu vết để lại hiện trường, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do không làm chủ tốc độ, thiếu quan sát, không chấp hành hiệu lệnh giao thông đường bộ và không nhường đường cho người đi bộ nên khoảng 22 giờ 40 phút ngày 26 tháng 7 năm 2018, khi đang lưu thông trên đường ĐT741 hướng Huyện P đi thành phố Đ thuộc ấp 3, xã H, thành phố Đ thì xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 93P2 – 058.11 do Nguyễn Đức H điều khiển chở theo anh Nguyễn Đức V đã va chạm vào ông Nguyễn Văn S gây tai nạn, hậu quả đã làm cho ông S tử vong.

Căn cứ vào hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do hậu quả từ hành vi vi phạm pháp luật khi tham gia giao thông dẫn đến hậu quả làm chết người nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người bị hại và các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông. Bị cáo là người đã thành niên, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi không làm chủ tốc độ, thiếu quan sát, không chấp hành hiệu lệnh giao thông đường bộ và nhường đường cho người đi bộ là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do chủ quan, thiếu quan sát đã va chạm vào ông S, hậu quả làm ông S tử vong. Do đó cần thiết phải có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đồng thời có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho gia đình người bị hại; đại diện gia đình người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền S, là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đại diện gia đình người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện S khoan hồng của pháp luật.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[5] Đối với Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô va quệt nhẹ ông S, không gây tai nạn nên không đề cập xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân S: Do anh Nguyễn Văn C là người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Văn S không có yêu cầu bồi thường gì thêm ngoài số tiền 80.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị X là mẹ ruột bị cáo Nguyễn Đức H đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần trả lại 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 700143003279 cho bị cáo Nguyễn Đức H.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

3. Về trách nhiệm dân S:

Do các bên không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 700143003279 mang tên Nguyễn Đức H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001653, quyển số 0034, ký hiệu D47/2017 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân S Thành phố Đ).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 (PV 27 cũ) Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn An

